



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Khoa Công Nghệ Phần Mềm

CÔNG NGHỆ WEB VÀ ỨNG DỤNG

ThS. Trần Thị Hồng Yến

yentth@uit.edu.vn

0907380471





Chương 3: CSS và ứng dụng

1. Giới thiệu CSS
2. Các dạng CSS và ứng dụng
3. Các thành phần của CSS



1. Giới thiệu CSS

- **CSS là gì?**

- CSS (Cascading Style Sheets) là một ngôn ngữ dùng để xác định bố cục, định dạng, kiểu cách của những trang HTML.
- Ví dụ: CSS có thể xác định font chữ, chiều cao, chiều rộng, màu sắc phông nền, vị trí và nhiều thứ khác trên tài liệu HTML.
- HTML được sử dụng để cấu trúc nội dung. CSS được sử dụng để định dạng nội dung đã được cấu trúc.



1. Giới thiệu CSS

- **Thế mạnh của CSS**

- CSS giúp tách các kiểu trình bày ra khỏi nội dung trang web nên các mã HTML sẽ gọn gàng hơn, thuận tiện hơn trong việc chỉnh sửa giao diện.
- Trình duyệt web chỉ tải một lần. Do đó, trang web được load nhanh hơn.
- Giúp bố trí kiểm soát nhiều tài liệu theo một phong cách đồng nhất.
- Kiểm soát bố cục dàn trang chính xác hơn.



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **Các dạng CSS**

- Có 3 dạng CSS được sử dụng để định dạng cho các thành phần trong tài liệu HTML:
 - **CSS cục bộ (Inline CSS)**
 - **CSS nội tuyến (Internal/Embedded CSS)**
 - **CSS ngoại tuyến (External CSS)**



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **CSS cục bộ (Inline CSS)**

- Mã lệnh CSS được viết trực tiếp trong thuộc tính style của thẻ HTML.
- CSS chỉ tác động trên thẻ HTML được khai báo.
- Ví dụ:

```
<p style="font-size: 16pt; color: blue;">Đoạn văn bản có kích cỡ 16pt, màu xanh.</p>
```

Đoạn văn bản có kích cỡ 16pt, màu xanh.



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **CSS nội tuyến (Internal/Embedded CSS)**

- Mã CSS được khai báo trong cặp thẻ `<style></style>` và đặt trong phần `<head></head>` của tài liệu HTML.
- Ví dụ:

```
<head>
<style>
body {background-color: powderblue;}
h1   {color: blue;}
p    {color: red;}
</style>
</head>
```



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **CSS ngoại tuyến (External CSS)**

- Tách biệt hoàn toàn CSS ra khỏi tài liệu HTML bằng các file .css.
- Giúp kiểm soát các kiểu trình bày hoặc bố cục dàn trang cho tất cả các tài liệu HTML một cách thống nhất bằng cách thay đổi trên các file CSS.
- Đây là cách khai báo CSS được sử dụng nhiều nhất trong thực tế, có phạm vi ảnh hưởng đến toàn bộ website chứ không chỉ một trang web .html riêng biệt.



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **CSS ngoại tuyến (External CSS)**

- Tạo một file *.css

Ví dụ: file **style.css** lưu trong thư mục **style** của website



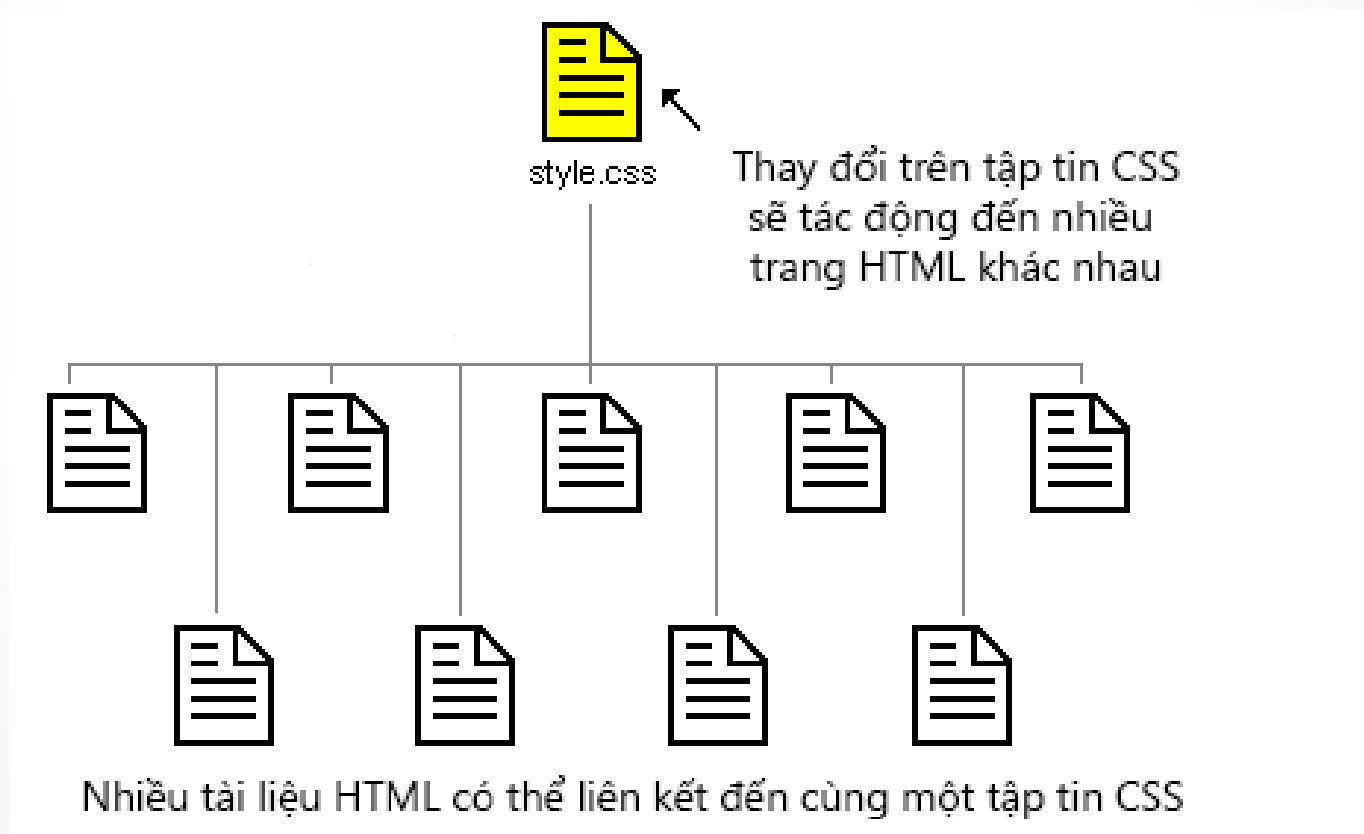
- Chèn đoạn code khai báo trong phần `<head></head>` của trang web.
- Ví dụ:

```
<head>
  <link href= "style/style.css" rel="stylesheet"/>
</head>
```



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **CSS ngoại tuyến (External CSS)**





2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **Thứ tự ưu tiên trong CSS**
 - Nếu một thẻ HTML cùng thừa hưởng một thuộc tính CSS khai báo giống nhau, mức độ ưu tiên của CSS trên các kiểu sẽ theo thứ tự sau:
CSS cục bộ » CSS nội tuyến » CSS ngoại tuyến » CSS mặc định của trình duyệt.



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **Thứ tự ưu tiên trong CSS**

- Ví dụ:

CSS cục bộ

`<p style="color: red">...</p>`

CSS nội tuyến

`P { color: green }`

CSS ngoại tuyến

`P { color: blue }`



2. Các dạng CSS và ứng dụng

- **Thứ tự ưu tiên trong CSS**

- Kết quả là đoạn văn bản được hiện thị với **màu đỏ** vì thành phần `<p>` được khai báo **CSS cục bộ** nên sẽ được ưu tiên hơn CSS nội tuyến và CSS ngoại tuyến.
- **Nếu không khai báo CSS cục bộ** thì đoạn văn bản sẽ được hiện thị với **màu xanh** vì **CSS nội tuyến** được ưu tiên hơn.
- Tiếp theo, nếu **CSS nội tuyến** không được khai báo thì **CSS ngoại tuyến** sẽ có tác dụng, nghĩa là đoạn văn bản sẽ được hiện thị với **màu xanh**.



3. Các thành phần của CSS

- Mỗi câu lệnh CSS sẽ định dạng một thành phần nhất định trong tài liệu HTML. Thành phần HTML được định dạng được gọi là đối tượng của CSS (CSS selector).
- Ví dụ:
 - Muốn định dạng tất cả các thành phần `<h1>` có màu đỏ, cỡ chữ 14px; font Arial, thì viết CSS như sau:

```
h1 {color: #F00; font-size: 14px; font-family: Arial }
```



3. Các thành phần của CSS

• Cú pháp một lệnh CSS

Đối tượng { thuộc tính 1: giá trị 1; thuộc tính 2: giá trị 2; ... ;
thuộc tính n: giá trị n }



- Đối tượng: là các thành phần của tài liệu HTML (các thẻ).
- Thuộc tính: các thuộc tính định dạng như: màu sắc, font chữ, kích thước, ...
- Giá trị: giá trị của các thuộc tính trên.



3. Các thành phần của CSS

- **Class và ID trong CSS**

- Dùng **Class Selector** khi muốn định dạng cho một thành phần duy nhất hoặc nhiều thành phần trong một nhóm mà không ảnh hưởng các thành phần HTML còn lại trên trang.
- Ngoài cách xác định các nhóm, cũng có thể định dạng cho một **thành phần duy nhất** bằng cách sử dụng **Id Selector**.



3. Các thành phần của CSS

- **Sử dụng Class Selector**

- Sử dụng cú pháp **.tên_class** để khai báo Class Selector. (**tên_class** không phân biệt HOA/thường.)
- Ví dụ:

Khai báo Class Selector:

```
.mauxanh { color: blue; }  
.mauvang { color: yellow; }
```

Áp dụng Class Selector:

```
<p>Đoạn văn bản hiển thị bình thường màu đen</p>  
<p class="mauxanh">Đoạn văn bản hiển thị màu xanh</p>  
<p class="mauvang">Đoạn văn bản hiển thị màu vàng</p>
```



3. Các thành phần của CSS

- **Sử dụng Id Selector**

- Sử dụng cú pháp `#tên_id` để khai báo Id Selector.
(`tên_id` có phân biệt HOA/thường.)

- Ví dụ:

- Khai báo Id Selector:

```
#tieude { color: red; }
```

- Áp dụng Id Selector:

```
<h1 id="tieude">Tiêu đề hiển thị màu đỏ</h1>
```



Thảo luận

